

Số: 61 /TB- UBND

Bảo Linh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022, xã Bảo Linh

- Kính gửi:**
- Đảng ủy - HĐND xã Bảo Linh
 - Các tổ chức Chính trị - xã hội xã Bảo Linh
 - Các Ông (bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã Bảo Linh

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Bảo Linh về phê chuẩn quyết toán ngân sách xã và phân bổ kết dư ngân sách xã Bảo Linh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của UBND xã Bảo Linh về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 xã Bảo Linh;

Ủy ban Nhân dân xã Bảo Linh thông báo đến Đảng ủy - HĐND - UB. MTTQ các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022, xã Bảo Linh bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, các xóm bản. Gồm các mẫu biểu: Biểu số 116/CKTC-NSNN; Biểu số 117/CKTC-NSNN; Biểu số 118/CKTC-NSNN; Biểu số 119/CKTC-NSNN; Biểu số 120/CKTC-NSNN và thuyết minh báo cáo quyết toán năm 2022.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 11 giờ ngày 02 tháng 8 năm 2023 đến 11 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2022 (90 ngày liên tục).

2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết và số liệu quyết toán ngân sách năm 2022, xã Bảo Linh để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022, xã Bảo Linh. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy - HĐND;
- Các tổ chức chính trị - XH;
- Các ông, bà trưởng xóm;
- Lưu VP, KT.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Trường

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách Nhà nước xã Bảo Linh năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẢO LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào nghị quyết số: 03 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 07 năm 2023 của HĐND khóa XXI, tại kỳ họp thứ sáu về phê chuẩn Quyết toán ngân sách nhà nước xã Bảo Linh năm 2022;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 xã Bảo Linh, chi tiết cụ thể như sau:

(Theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính xã các tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- P.Chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành thuộc xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Trường

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.989.881.935	TỔNG SỐ CHI	7.776.747.859
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	322.085.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.167.614.060
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	95.532.926	II. Chi thường xuyên	5.086.183.158
III. Thu bổ sung	7.405.283.510	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	522.950.641
- Bổ sung cân đối	4.372.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	3.033.283.510		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	166.980.499	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	0		
Kết dư ngân sách	213.134.076		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGAN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DU TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	7.944.956.009	7.926.956.009	8.024.357.185	7.989.881.935	101,00	100,79
I	Các khoản thu 100%	305.592.000	305.592.000	322.085.000	322.085.000	105,40	105,40
1	Phí, lệ phí	28.500.000	28.500.000	41.293.000	41.293.000	144,89	144,89
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	8.400.000	8.400.000	12.100.000	12.100.000	144,05	144,05
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	268.692.000	268.692.000	268.692.000	268.692.000	100,00	100,00
8	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	61.100.000	43.100.000	130.008.176	95.532.926	212,78	221,65
1	Các khoản thu phân chia						

	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				48.000		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.100.000	2.100.000	2.400.000	2.400.000	114,29	114,29
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	59.000.000	41.000.000	127.608.176	93.084.926	216,29	227,04
	- Thuế ngoài quốc doanh GTGT	13.000.000	13.000.000	12.530.676	12.530.676	96,39	96,39
	- Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000					
	- Tiền sử dụng đất	40.000.000	28.000.000	115.077.500	80.554.250	287,69	287,69
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	166.980.499	166.980.499	166.980.499	166.980.499	100,00	100,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.035.500.000	5.035.500.000	5.829.903.820	5.829.903.820	115,78	115,78
1	- Thu bổ sung cân đối	4.372.000.000	4.372.000.000	4.372.000.000	4.372.000.000	100,00	100,00
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.039.283.510	3.039.283.510	3.039.283.510	3.039.283.510	100,00	100,00



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	8.308.960.510	2.167.614.060	6.141.346.450	7.776.747.859	2.167.614.060	5.609.133.799	93,59	100,00	91,33
I	Chi đầu tư phát triển	2.167.614.060	2.167.614.060	0	2.167.614.060	2.167.614.060	0	100,00	100,00	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.167.614.060	2.167.614.060		2.167.614.060	2.167.614.060		100,00	100,00	
2	Chi đầu tư phát triển khác	0			0					
II	Chi thường xuyên	6.141.346.450	0	6.141.346.450	0	0	5.609.133.799	0,00		91,33
1	Chi giáo dục	0			0					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	21.500.000		21.500.000			14.230.000	0,00		66,19
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000			21.870.660	0,00		97,20
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	207.000.000		207.000.000			207.000.000	0,00		100,00

9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.812.686.450		4.812.686.450			4.695.086.498	0,00		97,56
10	Chi cho công tác xã hội	777.660.000		777.660.000			147.996.000	0,00		19,03
11	Chi khác	300.000.000		300.000.000				0,00		0,00
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau						522.950.641			
14	Chi nộp trả ngân sách cấp trên									



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		3.481.987.689	1.031.555.865	2.561.784.287	2.167.614.060	335.892.000	1.898.922.060	268.692.000
1. Công trình chuyển tiếp		462.376.252	138.694.132	0	335.892.000	335.892.000	197.200.000	138.692.000
Đường nội đồng Nạ Chú xóm Bảo Biên, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	97.955.713	26.122.483		63.722.000	63.722.000	37.600.000	26.122.000
Đường Nội đồng Chợ Bảo Hoa - Đồi Quất, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	226.644.052	71.786.282		173.586.000	173.586.000	101.800.000	71.786.000
Đường nội đồng Đồi Trại xóm Bảo Biên, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	54.813.379	14.593.539		35.493.000	35.493.000	20.900.000	14.593.000
Kênh bê tông Suối Háo xóm Khuổi Chao, xã Bảo Linh	30/09/2021-31/11/2021	82.963.108	26.191.828		63.091.000	63.091.000	36.900.000	26.191.000
2. Công trình khởi công mới		3.019.611.437	892.861.733	2.561.784.287	1.831.722.060	0	1.701.722.060	130.000.000
Đường nội đồng xóm Quế Linh xã Bảo Linh	25/10/2022-25/12/2022	315.580.626	119.139.466	315.580.626	196.421.160		196.421.160	
Đường Nội đồng xóm Bảo Biên xã Bảo Linh	25/10/2022-25/12/2022	340.947.886	112.547.706	340.947.886	228.390.180		228.390.180	
Điểm tránh xe tại xóm Bảo Biên xã Bảo Linh	25/10/2022-11/12/2022	18.964.857	13.945.867	18.964.857	5.018.990		5.018.990	
Nhà văn Hóa xóm Quế Linh xã Bảo Linh	25/10/2022-25/01/2023	458.519.293	228.334.663	421.753.449	330.184.630		230.184.630	100.000.000
Nhà Văn Hóa xóm Hoa Muồng xã Bảo Linh	25/10/2022-25/01/2023	503.366.886	261.659.786	489.043.944	271.707.100		241.707.100	30.000.000
Nhà Văn Hóa xóm Khuổi Chao xã Bảo Linh	25/10/2022-25/01/2023	386.499.905	157.234.245	355.039.525	200.000.000		200.000.000	

Kênh mương nội đồng Pác Máng- Hoa Muồng xóm Hoa Muồng xã Bảo Linh	30/11/2022-- 02/03/2023	496.249.530		314.858.000	300.000.000		300.000.000	
Kênh mương nội đồng Gốc kéo - Nà Véng xóm Quế Linh xã Bảo Linh	30/11/2022-- 02/03/2023	499.482.454		305.596.000	300.000.000		300.000.000	



UBND XÃ BẢO LINH

Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách				2.369.800.518	2.296.976.000	62.464.518
Hoạt động thu hộ - chi hộ	55.840.000	55.840.000	0	2.250.512.000	2.225.976.000	24.536.000
Kinh phí trung tâm học tập cộng đồng	32.940.000	32.940.000	0	32.940.000	32.940.000	0
Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	22.900.000	22.900.000	0	22.900.000	0	22.900.000
Tiền huy hiệu đảng				3.280.000	3.280.000	0
Hoỗ trợ tiếp xúc cử tri				600.000		600.000
Thuù lao lập danh sách BHYT				1.792.000	756.000	1.036.000
Hỗ trợ PN dân tộc TS dinh con đúng chính sách				4.000.000	4.000.000	
Hỗ trợ hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn				25.000.000	25.000.000	
Hoỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát				2.160.000.000	2.160.000.000	
Hoạt động các quỹ công chuyên dùng	110.530.000	78.000.000	32.530.000	119.288.518	71.000.000	37.928.518
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	10.520.000	10.000.000	520.000	10.300.000	6.600.000	3.700.000
Quỹ bảo trợ trẻ em	11.100.000	10.000.000	1.100.000	10.900.000	11.200.000	-300.000
Quỹ vì người nghèo	16.500.000	12.000.000	4.500.000	16.170.000	2.000.000	14.170.000
Quỹ nhân đạo	10.990.000	10.000.000	990.000	10.800.000	1.200.000	9.600.000
Quỹ da cam	10.520.000	6.000.000	4.520.000	10.360.000		
Quỹ xây dựng nông thôn mới	16.650.000		16.650.000	27.108.518	0	27.108.518
Quỹ xã hội hóa xây dựng trường mầm non	34.250.000	30.000.000	4.250.000	33.650.000	50.000.000	-16.350.000

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH XÃ BẢO LINH NĂM 2022

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Bảo Linh là xã vùng núi các trung tâm huyện Định Hóa 12 km về phía tây bắc. Xã Bảo Linh có vị trí hết sức quan trọng trong khu vực phòng thủ của huyện Định Hoá, nằm trên hướng phòng thủ quan trọng của huyện. Tình hình chính trị tương đối ổn định, kinh tế - xã hội phát triển. Có diện tích tự nhiên 2.787,06 ha, trong đó đất sản xuất nông, lâm nghiệp chiếm 87 %, còn lại là đất rừng, đất thổ cư, đất chuyên dùng, đời sống nhân dân chủ yếu là trồng lúa nước, chăn nuôi, trồng chè, trồng rừng, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nhỏ lẻ...

- Tình hình nhân dân và các tổ chức chính trị:

Toàn xã có 05 xóm bản gồm 7 dân tộc anh em cùng chung sống, với tổng số hộ là: 650 hộ và 2.601 nhân khẩu. Tổng số hộ hộ nghèo 13,62 % hộ cận nghèo 18,93 %.

Xã có 01 Đảng bộ, có 192 Đảng viên sinh hoạt ở 10 chi bộ. Vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy tốt, Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh. Chất lượng hoạt động của các tổ chức quần chúng đạt khá và tốt.

Trong những năm qua Công tác cải cách trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần hoàn thành mục tiêu kinh tế xã hội.

Việc tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện theo đúng Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Không sử dụng nguồn ngân sách vốn công trình này sang công trình khác....

Việc chấp hành chế độ kế toán, chế độ tài chính đúng theo Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ.

II. TÌNH HÌNH NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH CỦA XÃ

1. Thu, chi ngân sách xã:

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế tài chính trong năm ngân sách của xã là đảm bảo chi lương, phụ cấp, các hoạt động chi thường xuyên đáp ứng các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh - trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Chi xây dựng và sửa chữa các công trình phúc lợi trọng điểm cho nhân dân, xây dựng các cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, chi hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống của nhân dân theo các chương trình dự án. Chi đảm bảo công tác xã hội, người có công.

Ngay từ đầu năm UBND xã đã xây dựng dự toán chu, chi ngân sách nhà nước xã Định Biên trình kỳ họp HĐND quyết định.

HĐND đã ra Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của HĐND khóa XXI tại kỳ họp thứ ba về phê chuẩn dự toán thu - Chi ngân sách xã Bảo Linh năm 2022; và quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 07/01/2022. Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022. Chỉ đạo các ngành, các đơn vị và các xóm triển khai các văn bản hướng dẫn thu, chi ngân sách năm 2022 đạt hiệu quả cao, Cụ thể một số chỉ tiêu thu đạt kết quả như sau:

*** Tổng thu ngân sách năm 2022 là : 7.989.881.935 đồng.**

Trong đó:

- Thu ngân sách xã hưởng 100%: TH 322.085.000/ KH 305.592.000đ đạt 105,4%.
- Thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ %: 95.532.926 đồng/43.100.000 đồng đạt 221,65%
- Thu bổ xung từ ngân sách cấp trên: 7.405.283.510 đ/ 7.405.283.510, đạt 100%.
- Thu kết dư NS năm trước : 166.980.499 đồng.

Các chỉ tiêu thu thực hiện đều đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch giao

*** Tổng chi ngân sách năm 2022 là : 7.776.747.859 đồng .**

- Trong đó chi đầu tư phát triển : 2.167.614.060 đồng.
- Chi thường xuyên : 5.086.183.158 đồng.
- Chi chuyển nguồn NS : 522.950.641 đồng
- Kết dư NS là : 213.134.076 đồng.

Nhìn chung năm 2022 việc đáp ứng các khoản chi đều đảm bảo kịp thời theo chế độ và đúng luật ngân sách nhà nước.

2.Tình hình công nợ :

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
I. các khoản phải thu				
II. Các khoản phải trả				
III. Các khoản thu hộ, chi hộ				
1. Các khoản thu hộ		2.250.512.000	2.225.976.000	24.536.000
2. Các khoản chi hộ		2.250.512.000	2.225.976.000	24.536.000
- Chi tặng huy hiệu đảng		3.280.000	3.280.000	0
- Lập danh sách tham gia		1.792.000	756.000	1.036.000

BHYT, khác				
- Tiền công tổ thủy nông cấp xã		22.900.000	0	22.900.000
- Kinh phí trung tâm HTCD		32.940.000	32.940.000	0
- Hỗ trợ PN dân tộc TS sinh con đúng chính sách		4.000.000	4.000.000	0
- Hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn		25.000.000	25.000.000	0
- Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát		2.160.000.000	2.160.000.000	0
- Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri		600.000		600.000
IV. Quỹ công chuyên dùng	169.554.500	119.288.518	71.000.000	217.843.018
Quỹ bảo trì đường bộ	2.520.000			2.520.000
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	10.100.000	10.300.000	6.600.000	13.800.000
Quỹ bảo trợ trẻ em	11.725.000	10.900.000	11.200.000	11.425.000
Quỹ vì người nghèo	14.689.500	16.170.000	2.000.000	28.859.500
Quỹ xã hội hóa giáo dục	67.500.000	33.650.000	50.000.000	51.150.000
Quỹ xây dựng	2.285.600			2.285.600
Quỹ nhân đạo	16.913.400	10.800.000	1.200.000	26.513.400
Quỹ phát triển rừng	1.581.000			1.581.000
Quỹ xây dựng NTM	42.240.000	27.108.518		69.348.518
Quỹ đa cam		10.360.000		10.360.000

3. Tình hình tăng, giảm TSCĐ (nếu có) :

4. Phân tích nguyên nhân, kiến nghị đề xuất :